

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 29/01/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hà

Các Thẩm phán: 1. Ông Lê Thanh Hùng
2. Bà Lê Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Thiều Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2018/TLPT- HNGĐ ngày 19/12/2018, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/HNGĐ-ST ngày 13/11/2018 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2019/QĐ-PT, ngày 17/01/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H - Sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn H, xã H Hà, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, có mặt

Bị đơn: Chị Cao Thị B - Sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh kết hôn với chị Cao Thị B năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H Hà, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không phù hợp. Gia đình hai bên cũng đã hòa giải nhưng không thành. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không thành, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị được ly hôn chị B.

Về con chung: Anh và chị B có 01 con chung là Nguyễn Thị Hiền T sinh ngày 29/7/2016. Ly hôn anh đề nghị giao cháu T cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng từ 500.000đ đến 700.000đ.

Về tài sản: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Cao Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị thống nhất với anh H về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Nay anh H có đơn ly hôn chị đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị thống nhất với anh H về số con chung, tên, tuổi của con. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ.

Về tài sản: Chị yêu cầu giải quyết về tài sản (tuy nhiên chị không nộp tạm ứng án phí theo yêu cầu của tòa án).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/HNGĐ-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Điều 55; 57; 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Cao Thị B.

Về con chung: Anh H và chị B có 01 con chung là Nguyễn Thị Hiền T sinh ngày 29/07/2016. Giao cháu T cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2018 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh H được quyền thăm nom con, chị B không được cản trở.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu giải quyết tài sản. Chị B có đơn yêu cầu giải quyết tài sản nhưng không nộp tạm ứng án phí nên Tòa án không chấp nhận giải quyết. Các đương sự có quyền yêu cầu chia tài sản và giải quyết công nợ trong vụ án khác.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo qui định của pháp luật.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 20/11/2018 chị B có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết phân chia tài sản

chung của vợ chồng là tiền góp vốn mua thuyền trị giá 260.000.000đ để đánh bắt H sản (hiện nay chiếc thuyền này đã bán với giá 196.000.000đ). Kèm theo tài liệu chứng cứ là 01 giấy xác nhận mua thuyền; 02 giấy xác nhận vay vàng; 01 Giấy xác nhận vay tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị B không rút đơn kháng cáo và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị B giữ nguyên nội dung kháng cáo nhưng không xuất trình được căn cứ hợp pháp để có thể chấp nhận kháng cáo nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của chị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Cao Thị B trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét.

[2] Về nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng là tiền góp vốn mua thuyền trị giá 260.000.000đ để đánh bắt H sản (hiện nay chiếc thuyền này đã bán với giá 196.000.000đ).

Nội dung kháng cáo của chị B là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng: Ngày 11/06/2018 Tòa cấp sơ thẩm thụ lý vụ án, ngày 12/7/2018 chị B nộp đơn yêu cầu giải quyết phần tài sản, cùng ngày tòa cấp sơ thẩm đã ra thông báo nộp tạm ứng án phí về phần yêu cầu chia tài sản và giao cho chị B, tuy nhiên chị không nộp tạm ứng án phí trong hạn luật định. Ngày 20/9/2018 Tòa cấp sơ thẩm đã ra thông báo trả lại đơn yêu cầu giải quyết phần tài sản chung vợ chồng của chị B và giao thông báo này cho chị. Ngày 05/10/2018 tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Việc chị không thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí theo thông báo của Tòa án cấp sơ thẩm coi như chị từ bỏ yêu cầu giải quyết về phần tài sản. Tại bản án sơ thẩm đã không xem xét giải quyết phần yêu cầu chia tài sản của chị là đúng theo quy định tại Điều 200; 202 Điểm d khoản 1 Điều 192 của BLTTDS.

Kháng cáo của chị B không có căn cứ nên không chấp nhận. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/HNGĐ-ST ngày 13/11/2018 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chị B kháng cáo án không được chấp nhận nên PH chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của BLTTDS. Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của chị Cao Thị B, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 32/2018/HNGĐ-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa:

Về tài sản: Anh H không yêu cầu giải quyết tài sản; Chị B có đơn yêu cầu giải quyết tài sản nhưng không nộp tạm ứng án phí nên Tòa án không chấp nhận giải quyết. Các đương sự có quyền yêu cầu chia tài sản và giải quyết công nợ trong vụ án khác.

Về án phí phúc thẩm: Chị Cao Thị B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tiền số AA/2017/0003914 ngày 30/11/2018 (chị B đã nộp đủ tiền án phí DSPT).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm tuyên có hiệu lực pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện T;
- Tòa án ND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các Đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Thị Hà